

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả (bao gồm danh mục thủ tục hành chính thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện niêm yết thủ tục hành chính, công bố tại Cổng dịch vụ công và website của đơn vị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ban hành trái với nội dung tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP, TTPVHCC các CV, CTTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3369 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số TTHC đưa vào TPVHCC	Số TTHC thực hiện “4 tại chỗ”
1.	Sở Công Thương tại Phụ lục I	135/135	40
2.	Sở Du lịch tại Phụ lục II	27/27	06
3.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Phụ lục III	137/137	36
4.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Phụ lục IV	107/124	24
5.	Sở Thông tin và Truyền thông tại Phụ lục V	38/38	09
6.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Phụ lục VI	114/114	31
7.	Sở Tư pháp tại Phụ lục VII	121/130	31
8.	Sở Tài chính tại Phụ lục VIII	31/31	07
9.	Sở Khoa học và Công nghệ tại Phụ lục IX	58/58	12
10.	Sở Y tế tại Phụ lục X	122/163	29
11.	Sở Văn hóa và Thể thao tại Phụ lục XI	101/101	20
12.	Sở Nội vụ tại Phụ lục XII	93/113	19
13.	Sở Ngoại vụ tại Phụ lục XIII	05/05	01
14.	Sở Giao thông vận tải tại Phụ lục XIV	103/109	21
15.	Sở Xây dựng tại Phụ lục XV	57/57	13
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường tại Phụ lục XVI	114/117	23
17.	Sở Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục số XVII	73/73	18
18.	Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Phụ lục XVIII	90/90	19
	Tổng cộng	1.526/1.622	359

*** Ghi chú:**

- Danh mục này không áp dụng đối với hai 02 đơn vị: Ban Dân tộc (02 TTHC) và Thanh tra tỉnh (09 TTHC).
- Có 1.526/1.622 TTHC đủ điều kiện đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; 96/1.622 TTHC thuộc trường hợp quy định

tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; 359/1.526 TTHC thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (đạt 23,5%).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các danh mục TTHC đã được phê duyệt để áp dụng trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các danh mục TTHC được phê duyệt áp dụng theo các văn bản mới đó./.